**KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM THƠ TRÀO PHÚNG**

1. **DÀN Ý CHUNG**

**1. MỞ BÀI :** Giới thiệu tác giả, bài thơ, nêu đánh giá khái quát.

**2. THÂN BÀI :**

- Hoàn cảnh, cảm hứng sáng tác, ý nghĩa nhan đề

- Phân tích nội dung trào phúng thể hiện qua bài thơ (bám sát dẫn chứng)

- Đánh giá nội dung và nghệ thuật

**3. KẾT BÀI :** Khẳng định giá trị của tác phẩm, nêu cảm xúc về bài thơ.

1. **ĐỀ BÀI MINH HỌA**

**ĐỀ SỐ 1: Phân tích bài thơ “Ông phỗng đá” (Nguyễn Khuyến)**

|  |
| --- |
| **DÀN Ý CHI TIẾT**  **MB:**  -***Giới thiệu khái quát về nhà thơ Nguyễn Khuyến:***  +Là một nhà thơ của dân tình, làng cảnh Việt Nam.  +Thơ của ông nói lên tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu gia đình, bạn bè, phản ánh cuộc sống thuần khổ của nông dân, châm biếm đả kích tầng lớp thống trị, đồng thời bộc lộ tấm lòng ưu ái với dân, với nước.  ***-Giới thiệu về bài thơ và đánh giá khái quát:***  +Bài thơ “Ông phỗng đá” – đỉnh cao chói sáng trong thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến.  +Bài thơ là lời tự trào của tác giả khi đứng trước hình ảnh ông phỗng đá trên hòn non bộ.  **TB:**   1. **Khái quát về hoàn cảnh/cảm hứng/ đề tài hoặc nhan đề:**   - Bài thơ trào phúng ngay từ nhan đề gợi hình ảnh “ông phỗng” - hình tượng đá thường được trưng trong văn hóa Việt Nam.  - Trong buổi dạy học ở nhà quan kinh lược Hoàng Cao khải, nhân thấy đôi phỗng đá ngoài vườn, thi sĩ Nguyễn Khuyến bèn tức cảnh làm bài thơ Ông phỗng đá.   1. **Phân tích nội dung trào phúng thể hiện qua bài thơ** 2. ***Hai câu thơ mở đầu: miêu tả chân dung ông phỗng đá***   + Hình ảnh phỗng đá là hình ảnh rất quen thuộc ở làng quê Việt Nam, cũng như rất quen thuộc trong thơ ca.  + Câu thơ mở đầu “Ông đứng đó làm chi hỡi ông?” vừa như là một sự băn khoăn, vừa như là sự mỉa mai và ngụ ý châm biếm.  + Câu thơ thứ hai như mở ra hình ảnh của ông phỗng đá. Từ láy “trơ trơ”, hình ảnh so sánh “ như đá’, “vững như đồng” làm nổi bật hai hình ảnh: một là hình ảnh phỗng đá đứng bất động mặc kệ sự biến động của trời đất, hai là sự mỉa mai, phê phán của nhà thơ về những thói xấu ở đời, thói xấu của bọn quan lại không biết xót thương tới những cảnh lầm than của người dân trong cái xã hội cùng cực.  🡺 Hai câu thơ với nghệ thuật chủ yếu là so sánh, câu hỏi tu từ đã làm nổi bật hình ảnh ông phỗng đá bất động, trơ trơ giữa hình ảnh hòn núi non bộ.   1. ***Hai câu thơ cuối giúp người đọc hiểu rõ hơn về công việc, cũng như hình ảnh ông phỗng, đồng thời hiểu rõ được dụng ý mỉa mai sâu cay tầng lớp thống trị và tấm lòng nhà thơ:***   + Cả bài thơ có bốn câu thơ, mà tới ba câu thơ là câu hỏi tu từ. Câu hỏi tu từ dồn dập, liên tiếp như mở ra bao suy tư mới.  + Câu thơ thứ ba “Đêm ngày giữ gìn cho ai đó?” như một lời thăm dò công việc của ông phỗng đá. Nhà thơ có ý hỏi ông phỗng đá đang ngày đêm gìn giữ điều gì, có phải đang níu kéo cái đạo lý cương thường một thời của Nho giáo đang mất dần vị thế độc tôn hay không?  + Ở câu thơ thứ bốn “Non nước đầy vơi có biết không” như là một lời trách thầm đối với ông phỗng đá.  - Hình ảnh “ Non nước đầy vơi” mở ra hai ý nghĩa: không chỉ là hình ảnh giang sơn, khung cảnh đầy vơi như nào, mà nó còn phản ánh cái thực trạng xã hội mà Nguyễn Khuyến đang sống thuở đó.  🡺 Hai câu thơ cuối sử dụng liên tiếp hai câu hỏi tu từ như là sự dồn dập, kết hợp với giọng điệu thơ nhẹ nhàng mà thâm thúy không chỉ là sự phê phán quan lại triều đình, mà còn là sự tự trách chính mình của nhà thơ.   1. **Khái quát một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng**   - Lối trào phúng của Nguyễn Khuyến trong bài thơ này là lối trào phúng gián tiếp, kín đáo và thâm thúy, ý định trào phúng của tác giả không bộc lộ trên bề mặt văn bản mà chìm sâu sau hình ảnh và từ ngữ.  - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt được sử dụng hết sức tài tình.  - Ngôn ngữ, hình ảnh gần gũi đối với quê hương.  - Từ láy, biện pháp tu từ so sánh được sử dụng linh hoạt trong bốn câu thơ khiến cho bài thơ trở nên đặc sắc.  - Câu hỏi tu từ được sử dụng ba trên bốn dòng thơ, hỏi mà không có người trả lời, đã khơi dậy trong lòng đọc giả biết bao suy tư, băn khoăn về xã hội một thời.  🡺 Tất cả những biện pháp nghệ thuật ấy đã giúp phần làm nổi bật hình ảnh ông phỗng đá giữa hòn núi non bộ, đồng thời còn là sự phê phán của tác giả giữa thực trạng xã hội đó, cái xã hội mà ở đó, quan lại triều đình thờ ơ trước sự sống còn của người dân.   1. **Khẳng định/ làm rõ dụng ý phê phán của nhà thơ**   - Bài thơ được ra đời trong hoàn cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến, cơ đồ nhà Nguyễn dường như sụp đổ hoàn toàn. Đó là cái xã hội với những biểu hiện lố lăng, kịch cợm.  - Chính xã hội ấy khiến Nguyễn Khuyến trăn trở và luôn phê phán, trong bài thơ đã làm nổi bật cái thực trạng xã hội: triều đình, quan lại bù nhìn trước cuộc sống cùng cực của người dân.  - Để có được cái nhìn ấy, thì chính Nguyễn Khuyến cũng là người trong cuộc, ông cũng là người làm quan một thời, là người trơ trơ như ông phỗng đá không giúp ích gì được cho dân, cho nước.  **KB:**  **- Khẳng định lại giá trị tác phẩm:**  + Bài thơ không chỉ giúp ta hiểu rõ hơn về nghệ thuật thơ trào phúng, mà còn khiến tả cảm nhận rõ hơn thực trạng xã hội phong kiến với những “ông phỗng” thờ ơ trước vận mệnh của nhân dân  **- Suy nghĩ bản thân:**  + Lớp bụi thời gian có thể phủ nhòa đi mọi thứ, nhưng bài thơ này cùng giá trị châm biếm, mỉa mai sâu cay thì vẫn còn mãi như minh chứng cho tấm lòng lo lắng cho “non nước” của nhà thơ Nguyễn Khuyến. |

**ĐỀ SỐ 2: Phân tích bài thơ Năm mới chúc nhau (Trần Tế Xương)**

|  |
| --- |
| **DÀN Ý CHI TIẾT**  **Mở bài:**  - ***Giới thiệu khái quát về tác giả Tú Xương:***  + Trần Tế Xương hay còn gọi Tú Xương (1870 - 1907) quê Vị Xuyên, Nam Định, nhà thơ trào phúng nổi tiếng, sắc nhất trong nền văn học của nước nhà.  + Tiếng thơ của Tú Xương trào lộng, châm biếm, đả kích khi chứng kiến sự thay đổi, từ thời kì xã hội phong kiến thực dân tàn tạ lố lăng.  ***- Giới thiệu về bài thơ và đánh giá khái quát về bài thơ:***  + Năm mới chúc nhau là bài thơ châm biếm, giễu cợt, khinh ghét lối sống lố lăng kệch cỡm của những kẻ giàu sang, hãnh tiến đang nhắm mắt làm ngơ trước cảnh đời nô lệ, dân chúng lầm than;  + Bài thơ như một tiếng chuông phê phán, trào lộng, đả kích tả thực hướng vào nhiều đối tượng cụ thể, rất xác thực  **Thân bài:**   1. **Khái quát về hoàn cảnh ra đời/cảm hứng/ đề tài hoặc nhan đề:**   + Xã hội thời chế độ thuộc địa nửa phong kiến, bởi việc mua quan bán chức; sự bất đắc chí trong việc học hành thi cử mà Trần Tế Xương trải qua trút hết nỗi niềm vào thơ văn, thơ bằng tiếng cười mỉa mai châm biếm sâu cay chế bọn cường quyền, thực dân  + Dù chỉ sống ngắn ngủi trong cảnh nghèo khó, xã hội nhiễu nhương, nhưng Tú Xương đã nhìn chân thực về cuộc sống thông qua những vần thơ trào phúng hiện thực sâu sắc.  + Mượn lời chúc Tết quen thuộc để chế giễu mang cái tiếng cười châm biếm sâu cay của "bậc thần thơ thánh chữ"   1. **Phân tích nội dung trào phúng thể hiện qua bài thơ:**   **a. 8 câu thơ đầu:**  + Bước vào những câu thơ đầu tiên câu chúc mà giống câu chửi, đó là chế giễu mấy tên hợm hĩnh lố bịch ấy.  + Tú Xương tham gia vào bài thơ với vị trí là kẻ thứ ba nghe chuyện, để xem quân giả tạo, thối nát chúc nhau sống lâu (4 câu đầu) "trăm tuổi bạc đầu" bằng một giọng tự sự đầy giễu cợt. Tú Xương còn hài hước tự xưng mình là "ông" xưng người là "thiên hạ", một giọng thơ rất đanh đá, thách thức hóa ra là cái bọn chúc nhau mau già, mau rụng răng.  + Ông Tú còn thể hiện cái sự căm ghét thói đời mà tiền đặt lên trên tất cả, đến quan chức mà có tiền mua thì cũng xong (4 câu tiếp). Tú Xương nghe chúng nó chúc cái sang của bọn ngu dốt lại thích màu mè, được mua bằng những đồng tiền;  Nhà thơ phô bày cảnh trò hề chúc sang, những kẻ kém tâm hồn đến trí tuệ dù có đắp bao nhiêu phục trang lộng lẫy, hay mũ cánh chuồn úp đầu cũng chẳng khiến người ta nể nang. Đó là những kẻ thích làm sang, thích tự bôi vẽ cái vẻ sang trọng quyền quý hài hước lên khuôn mặt bại hoại của chính bản thân mình.  Câu thơ "Vừa chửi vừa la cũng đắt hàng" mang lại hả hê, phải bật cười bởi cái lũ kém sang ấy; chúng chỉ biết chửi, biết la như những kẻ đầu đường xó chợ.  **b. 12 câu thơ cuối:**  + Nhà thơ tiếp tục chế giễu mừng sự giàu (4 câu tiếp), mừng lắm con nhiều cháu (4 câu cuối). Sự độc đáo đoạn thơ thể hiện tiền bạc với ông Tú (cách gọi thân quen) thì cũng như "mớ" rau dưa, lộn xộn, để gà cũng ăn được.  + Hình ảnh "sinh năm đẻ bảy" của mấy đám ô hợp sao cho cốt hết số tiền bẩn thỉu do bọn ông cha hám tiền của chúng làm ra. Riết rồi cái lũ sâu bọ ấy đông đúc quá, phố phường cũng chẳng kham nổi lại phải bồng bế nhau lên núi mà ở thôi, chứ nơi nào chứa cho hết cái lũ chỉ quen bịp bợm của người dân nghèo khó.   1. **Khái quát một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng bài thơ:**   + Nghệ thuật trào phúng với con mắt rất tinh, rất sâu như thể bắt chộp được cái điển hình nhất; đặc sắc, tiêu biểu cho khuynh hướng và nguồn mạch châm biếm trào phúng của nhà thơ Trần Tế Xương  + Chất trào phúng châm biếm tự nhiên, mang nhiều sắc điệu vừa bông đùa hóm hỉnh, vừa chua chát, xót xa.  + Bài thơ là sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố hiện thực, trào phúng và châm biếm được truyền tải bằng thể thơ thất ngôn Đường luật, cách diễn đạt theo kiểu ngoa ngôn như “trăm ngàn vạn mớ” “sinh năm đẻ bảy” thể hiện thái độ mỉa mai, giễu cợt về sự ô hợp, lộn xộn của lũ người hợm của chứng tỏ Tú Xương là một nghệ sĩ bậc thầy châm biếm …  4. **Khẳng định/ làm rõ dụng ý phê phán của nhà thơ.**  Bài thơ còn mãi tiếng chuông cảnh tỉnh, phê phán bằng thái độ thẳng thắn bắt nguồn từ một khao khát nhân bản mong muốn cuộc đời, xã hội được tốt đẹp hơn, không còn cảnh và kiểu chúc Tết khác “người” Tú Xương đã phải chứng kiến.  **Kết bài:**  ***- Khẳng định lại giá trị tác phẩm:***  + Bài thơ là hiện thực oái oăm, hài hước của lũ người nhố nhăng trong cái xã hội tạp nham đủ thứ người, thứ chuyện, tưởng như đùa.  + Qua đó, cũng thấy được cái cảnh cơ cực, khổ sở của nhân dân thời bấy giờ, phải chịu sống dưới sự chèn ép của bọn người ô hợp, tức lắm, ghét lắm, mà không thể làm gì được.  + Đọng lại một Tú Xương là người bản lĩnh, dù bất đắc chí tại đường công danh nhưng thơ, văn của ông luôn đem lại một cái nhìn thật sâu sắc về hiện thực xã hội nửa thực dânphong kiến  ***- Suy nghĩ bản thân về bài thơ:***  ***+*** Tú Xương dùngtiếng cười chế giễu hiện thực xã hội xâu xa như thứ vũ khí đâm thẳng vào mặt bọn cầm quyền ngu si, dốt nát. Bài thơ mang lại cho bạn đọc một tình cảm hả hê, sung sướng, bõ hờn, bõ tức.  + Gợi lên nhiều cảm hứng khiến người đọc dễ “nhại” và muốn “nhại” theo cái giọng điệu trào phúng châm biếm của ông mỗi khi gặp cảnh chướng tai gai mắt ở đời. |

**KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM THƠ HIỆN ĐẠI**

**(thơ tự do, thơ lục bát, thơ 7 chữ, thơ 8 chữ)**

1. **DÀN Ý CHUNG**

**1. MỞ BÀI :** Giới thiệu tác giả, bài thơ, nêu cảm nghĩ chung về bài thơ.

**2. THÂN BÀI :**

- Hoàn cảnh, cảm hứng sáng tác, ý nghĩa nhan đề

- Cảm nhận cái hay, nét độc đáo của bài thơ trên phương diện nội dung

- Cảm nhận nét độc đáo của bài thơ trên phương diện nghệ thuật

- Nêu tác dụng của thể thơ trong việc thể hiện mạch cảm xúc, nét độc đáo của bài thơ.

**3. KẾT BÀI :** Khẳng định giá trị của tác phẩm, nêu cảm xúc về bài thơ.

1. **ĐỀ BÀI MINH HỌA : Cảm nghĩ về bài thơ “Việt Nam quê hương ta” (Nguyễn Đình Thi)**

|  |  |
| --- | --- |
| *Việt Nam đất nước ta ơi Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn Cánh cò bay lả rập rờn Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều Quê hương biết mấy thân yêu Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau Mặt người vất vả in sâu Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn  Đất nghèo nuôi những anh hùng Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên Đạp quân thù xuống đất đen Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa Việt Nam đất nắng chan hoà Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh Mắt đen cô gái long lanh Yêu ai yêu trọn tấm tình thuỷ chung* | *Đất trăm nghề của trăm vùng Khách phương xa tới lạ lùng tìm xem Tay người như có phép tiên Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ  Nước bâng khuâng những chuyến đò Đêm đêm còn vọng câu hò Trương Chi Đói nghèo nên phải chia ly Xót xa lòng kẻ rời quê lên đường  Ta đi ta nhớ núi rừng Ta đi ta nhớ dòng sông vỗ bờ Nhớ đồng ruộng, nhớ khoai ngô Bũa cơm rau muống quả cà giòn tan...*  Trích từ trường ca “Bài thơ Hắc Hải” (1958) |

|  |
| --- |
| **DÀN Ý CHI TIẾT**  **A. Mở bài**  **- Giới thiệu bài thơ và tác giả:**  + Nguyễn Đình Thi là một nhà thơ lớn trong nền văn học hiện đại Việt Nam.  + Nhiều tác phẩm hay viết về quê hương, đất nước vốn là một mạch nguồn chảy suốt trong đời thơ của ông trong đó có bài thơ Việt Nam quê hương ta.  + Bài thơ được sáng tác năm 1956, trích từ trường ca "Bài thơ Hắc Hải" sáng tác 1955 – 1958 của nhà thơ Nguyễn Đình Thi.  **- Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ:**  Thi phẩm là những rung động sâu sắc về bức tranh thiên nhiên và con người Việt Nam, cảm nhận được tấm lòng ngợi ca cùng tình yêu tha thiết mà tác giả dành cho Tổ quốc.  **B. Thân bài**  **1. Trình bày cảm nghĩ về nét độc đáo của bài thơ trên phương diện nội dung**  **a. Vẻ đẹp thiên nhiên tươi đẹp của đất nước**  - Nhà thơ đã coi Việt Nam là một người bạn từ rất lâu và gọi đất nước một cách trìu mến: “Việt Nam đất nước ta ơi!”.Việt Nam như một người bạn thân thiết và gần gũi không chỉ với tác giả mà với cả chúng ta.  - Từng lời thơ vang lên mộc mạc như hiện lên trước mắt người đọc một làng quê thanh bình, yên ả ấm áp.  + Những cánh đồng mênh mông tưởng chừng như vô tận cảu biển lúa mang theo bao hạnh phúc về một vụ mùa bội thu, làng quê trù phú.  + Nhà thơ đã tinh tế vẽ nên một bức tranh màu sắc hài hòa, tươi đẹp, rất đặc trưng của làng quê Việt.  + Hình ảnh cánh cò “bay lả” giữa cánh đồng, dưới những đám mây mờ bị che phủ bởi đỉnh núi, mở ra khung cảnh về một đất nước bình yên.  + Đỉnh núi Trường Sơn hùng vĩ, nên thơ hiện lên trong sương mờ.  -> Đó là bức tranh thiên nhiên hiện lên thật tươi đẹp, rạng rỡ được gợi tả vẻ đẹp của thiên nhiên từ vùng núi cao đến đồng bằng bao la, mênh mông, rộng lớn.  **b. Vẻ đẹp con người Việt Nam hiện lên thật đẹp đẽ với những phẩm chất truyền thống tốt đẹp**.  - Trước tiên đó là đức tính cần cù, chịu thương chịu khó trong lao động của ông cha ta từ ngàn đời xưa: *“Quê hương….. áo nâu nhuộm bùn”*  + Nối tiếp truyền thống quê hương, biết bao thế hệ đã phải chịu thật nhiều đau thương.  + Hình ảnh “áo nâu nhuộm bùn” đã cho thấy được sự tần tảo của những con người thật thà, chất phác nơi thôn quê.  - Tiếp đến, tác giả đã gợi lại quá khứ hào hùng của dân tộc Việt Nam: vẻ đẹp kiên cường bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm: “*Đất nghèo ….hiền như xưa”*  + Sống lại truyền thống đánh giặc bảo vệ đất nước cùng dân tộc Việt Nam anh hùng. Từ bao đời nay, dân tộc Việt Nam đã phải đối mặt với những kẻ thù xâm lược. Con người Việt Nam phải chịu những đau thương, mất mát từ chiến tranh.  + Tinh thần chiến đấu kiên cường, đoàn kết đấu tranh chống lại kẻ thù và khi không còn “súng gươm” lại trở về bản tính lương thiện, hiền hòa vốn có của người Việt Nam.  - Dù chìm trong máu lửa đau thương, sống trong khó nhọc vất vả nhưng dân tộc Việt Nam vẫn trọn tấm lòng thủy chung, sắt son: *“Yêu ai yêu trọn tấm tình thuỷ chung”*  - Con người Việt Nam còn tài hoa, khéo léo và tài năng trong lao động: *“Đất ……dệt nghìn bài thơ”*  + Mỗi mảnh đất đều nổi tiếng với một nghề truyền thống được truyền từ đời ông cha để lại.  + Hình ảnh so sánh “tay người như có phép tiên” cho thấy sự khéo léo, tài năng của con người.  + Quê hương đất thơ Nguyễn Đình Thi hiện lên vô cùng tươi đẹp, tràn ngập ánh nắng, nơi có “hoa thơm cỏ ngọt bốn mùa, trời xanh”, nơi con người biết “Yêu ai là yêu nước hết lòng”, nơi gắn bó biết bao kỷ niệm tuổi thơ và trở thành một phần không thể xóa nhòa trong tâm trí; mỗi lần đi xa, nỗi nhớ quê hương lại trào dâng.  **2. Trình bày cảm nghĩ về nét độc đáo của bài thơ trên phương diện nghệ thuật**  **a. Ngôn ngữ đan xen từ ngữ bình dân giản dị với hình ảnh rất sinh động, gợi cảm, giàu cảm xúc:**  + Hình ảnh đất nước và con người Việt Nam hiện lên dưới ngòi bút tác giả vừa gần gũi vừa tráng lệ, sử dụng các hình ảnh gần gũi, quen thuộc tiêu biểu của quê hương, đất nước, con người Việt Nam.  + Những hình ảnh gắm bó trong tiềm thức của người Việt Nam biết bao thế hệ: “cánh đồng lúa”, “cánh cò”,… núi đồi ùa về.  + Tác giả đã nói đến những vẻ đẹp của quê hương: vẻ đẹp thiên nhiên, của những người lao động cần cù, chịu khó, của truyền thống đấu tranh bất khuất, của lòng chung thuỷ, sự tài hoa.  + Ngôn ngữ đời thường giản dị, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân bước vào câu thơ giúp tác giả thể hiện cảm xúc tự nhiên, giản dị và sâu sắc trước thiên nhiên và con người Việt Nam vốn giản dị, chất phát mà giàu tình cảm.  -> Từ đó tạo lời thơ sâu lắng, dạt dào cảm xúc rất phù hợp diễn tả tình cảm cảm xúc về gia đình thân thuộc, về tình cảm yêu thương gắn bó con người Việt Nam.  **b. Các biện pháp nghệ thuật tu từ được nhà thơ sử dụng phát huy hiệu quả trong việc thể hiện chủ đề, cảm xúc bài thơ**  + Hình ảnh nhân hóa “Việt Nam đất nước ta ơi” như một lời gọi thiết tha trìu mến: hãy đến với quê hương đất nước Việt Nam tôi.  + Hình ảnh so sánh kết hợp ẩn dụ “Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn” đã vẽ nên khung cảnh rộng lớn tưởng chừng như vô tận, trải dài xa tít của biển lủa quê hương đẹp đến dường nào. (Bản quyền nhóm Hà An)  + Nghệ thuật so sánh được nhà thơ tận dụng khi khắc hoạ vẻ đẹp khéo léo “tay người như có phép tiên” mà tài năng của con người Việt Nam dệt nên những sản phẩm thủ công, sản phẩm văn hoá truyền thống bao đời.  + Biện pháp tư từ hoán dụ với các hình ảnh: “mặt người vất vả”, “áo nâu nhuộm bùn”, “súng gươm vứt bỏ”… vốn gắn liền, gắn bó với con người trong lao động và chiến đấu đầy gian lao mà anh dũng của dân tộc Việt Nam.  -> Các biện pháp tư từ đã góp phần không nhỏ, tô đậm thêm hình ảnh, vẻ đẹp thiên nhiên và con người quê hương.  **3. Nêu tác dụng của thể thơ lục bát trong việc thể hiện mạch cảm xúc, nét độc đáo của bài thơ.**  - Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát truyền thốngquen thuộc, gần gũi, có cách ngắt nhịp và gieo vần phù hợp với việc thể hiện nội dung tình cảm quê hương, đất nước tươi đẹp, thơ mộng và tràn đầy sức sống.  - Thơ lục bát vốn có nguồn gốc từ rất lâu được người dân lao động làm việc vất vả sáng tác thơ. Vì vậy nó chân chất, giản dị, diễn tả đúng tâm trạng và các cung bậc cảm xúc trong tâm hồn người dân lao động. Thể loại thơ của dân tộc này còn có nguồn gốc từ những câu ru hời của bà, của mẹ nồng nàn tình cảm thương yêu; những bài đồng dao đi vào lòng người…  - Vẻ đẹp của thơ lục bát được gói gọn, hội tụ và thể hiện trong bài thơ này, dường như không còn là sáng tác riêng của Nguyễn Đình Thi mà là của quần chúng nhân dân lao động bởi ngôn từ dung dị, lời thơ sâu lắng, mượt mà, giàu cảm xúc  - Bài thơ như thể một bài ca dao truyền thống vậy! Nguyễn Đình Thi sáng tạo trong nhịp trong thơ lục bát khi nhà thơ tạo nhịp, ngắt nhịp chẵn trong từng câu thơ đặc biệt là cách ngắt nhịp đôi.  - Nếu ở câu lục ngắt nhịp 2/2/2, 4/2 thì ở câu bát ngắt nhịp 2/2/2/2 và 4/4. Như ở câu thơ đầu tiên và câu thơ thứ ba (câu lục) ngắt nhịp: 2/2/2, câu thơ thứ hai và câu thứ tư tạo nhịp: 4/4.  - Cùng với cách ngắt nhịp là cách gieo vần cũng rất độc đáo của thơ lục bát…làm cho câu thơ nhịp nhàng, cân đối, không hề đơn điệu.  **C. Kết bài**  ***-* Nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ****:**  + Có thể nói, bài thơ Việt Nam quê hương ta đã để lại cho người đọc nhiều cảm xúc sâu sắc, chạm đến trái tim mỗi người.  + Những hình ảnh hào hùng trong quá khứ và niềm vui của con người những năm đầu hòa bình sẽ trong bài thơ mãi trường tồn với thời gian.  **- Liên hệ:** Mỗi chúng ta có thêm tự hào, thêm yêu hơn quê hương, đất nước mình. Có ý thức học tập, xây dựng quê hướng đất nước ngày một khang trang, sánh vai cùng với các cường quốc năm châu như Bác Hồ hằng mong đợi. |